ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 147/BC-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 7 năm 2017*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC TỈNH
CV ĐẾN Số: 6045
Ngày: 06/7/17
Chuyển:

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ năm 2016 và 06 tháng đầu năm 2017; kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2018

Thực hiện yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 209/BKHCN-KHTH ngày 23/01/2017 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2018, UBND tỉnh Quảng Ngãi xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ *(KH&CN)* năm 2018, như sau:

A. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN

I. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách về KH&CN

Trong lĩnh vực KH&CN, căn cứ Luật Khoa học và công nghệ năm 2013, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; các Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 ban hành mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27/5/2014 quy định quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, số 23/2014/TT-BKHCN ngày 19/9/2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014, Thông tư số 01/VBHN-BKHCN ngày 28/11/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (hợp nhất Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN và Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN, Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước), Quyết định số 950/QĐ-BKHCN ngày 25/4/2016 của Bộ trưởng Bộ

Khoa học và Công nghệ ban hành tạm thời biểu mẫu bổ sung phục vụ tuyển chọn, xét giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; các Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 01/9/2015 hướng dẫn việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước, số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước, số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành các Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 về việc ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Quảng Ngãi và số 52/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Bước đầu đã triển khai thực hiện Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND, các hoạt động quản lý KH&CN cũng như nghiên cứu ứng dụng KH&CN dần được đổi mới. Tuy nhiên, với những thay đổi về quy định quản lý cũng như hệ thống các phiếu đánh giá tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ KH&CN đã gặp một số khó khăn nhất định, đặc biệt đối với các thành viên Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN trong việc đánh giá, xác định công lao động.

Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực khoa học và công nghệ: Sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân, tiêu chuẩn đo lường chất lượng; nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN; thông tin KH&CN có tiến bộ, được triển khai toàn diện và từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Việc phát triển tiềm lực KH&CN phục vụ quản lý nhà nước và nâng cao năng lực của các cơ sở khoa học từng bước được quan tâm đầu tư nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ hội nhập quốc tế. Hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ tiếp tục được đẩy mạnh và bám sát thực tiễn phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Kết quả nghiên cứu và ứng dụng KHCN trong thực tiễn được nâng cao. Đã đẩy mạnh việc nghiên cứu, tiếp thu các tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất ở một số mô hình sản xuất lớn trong nông nghiệp đã có những thành công bước đầu, tạo được một số đột phá thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, tăng thu nhập cho người dân.

Về tình hình thực hiện Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập, Thông tư số 01/2017/TT-BKHCN ngày 12/01/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa

học và công nghệ công lập, tỉnh Quảng Ngãi đã tích cực chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp KH&CN công lập (Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN và Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng) trên địa bàn xây dựng phương án tự chủ về tài chính. Quá trình thực hiện Nghị định 54/2016/NĐ-CP còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc như: chưa có sự hướng dẫn từ Bộ KH&CN về việc thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách trong lĩnh vực KH&CN; nguồn nhân lực khoa học và công nghệ vừa thiếu, vừa yếu, trong đó nhân lực có trình độ chuyên môn cao, phù hợp với lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của Trung tâm chưa đáp ứng; cơ sở vật chất kỹ thuật tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa được đầu tư đồng bộ; nguồn công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mà Trung tâm làm chủ còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu trong phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

II. Đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động KH&CN

1. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia

Năm 2016, Bộ Khoa học và Công nghệ đã phê duyệt thực hiện dự án "Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết giữa doanh nghiệp - nông dân để sản xuất ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi trên đất lúa kém hiệu quả ở huyện Sơn Tịnh" do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Sơn Tịnh chủ trì thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025. Đến nay, dự án đã tổ chức hội thảo, họp người dân vùng dự án để xác định các hộ tham gia dự án trong mối liên kết với doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm. Tuy nhiên, dự án vẫn chưa hoàn thành được việc xác định các hộ tham gia dự án, do người dân chưa thật sự tin tưởng vào sự cam kết bao tiêu sản phẩm cho người dân của doanh nghiệp. Hiện nay, cơ quan chủ trì dự án và cơ quan chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ đang tích cực vận động người dân vùng dự án.

Đứng trước thực trạng xâm nhập mặn diễn biến ngày càng phức tạp và gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất và đời sống của nhân dân các huyện ven biển của tỉnh Quảng Ngãi, căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có Công văn số 2490/UBND-CNXD ngày 28/4/2017 gửi Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia *"Nghiên cứu đánh giá sự ảnh hưởng của xâm nhập mặn đối với sinh kế của người dân tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh vùng duyên hải miền Trung; đề xuất các giải pháp ứng phó"*

2. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở

Tính đến tháng 6 năm 2017, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức triển thực hiện 42 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (Trong đó, 28 nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2016 sang và 14 nhiệm vụ KH&CN thực hiện mới năm 2017). Các nhiệm vụ được chia theo lĩnh vực sau:

- Lĩnh vực nông nghiệp 24 đề tài, dự án;
- Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, y tế: 11 đề tài;
- Lĩnh vực kỹ thuật công nghệ: 06 dự án;
- Lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên và môi trường: 01 dự án.

Năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2017, đã tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện và chuyển giao ứng dụng 18 nhiệm vụ KH&CN.

Một số kết quả đạt được cụ thể như sau:

a) Lĩnh vực nông nghiệp: Các đề tài, dự án KH&CN triển khai trong lĩnh vực nông nghiệp đã mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội rõ rệt, góp phần quan trọng tạo thêm việc làm, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp, có tác động đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Đặc biệt đã hình thành được một số dự án theo chuỗi giá trị có sự liên kết với doanh nghiệp, Hợp tác xã với tư cách là đơn vị chủ trì dự án, bước đầu đã đem lại hiệu quả tốt và thu nhập của người dân cũng được nâng cao.

*** Về trồng trọt:**

Dự án KH&CN nhân rộng ứng dụng các giải pháp kỹ thuật đồng bộ từ cơ giới hóa khâu làm đất, cải tạo đất, sử dụng giống mía và áp dụng quy trình chăm sóc, bón phân cân đối trong canh tác mía trên đất gò đồi ở huyện Sơn Hà. Kết quả dự án đã xây dựng được vùng nguyên liệu mía gần 500 ha trên đất gò, đồi với năng suất mía cây đạt 75 - 95 tấn/ha (năng suất trước đây 40-50 tấn/ha), đưa năng suất mía cả tỉnh bình quân đạt 65 tấn/ha, chữ đường gần 10 CCS, nâng cao thu nhập cho người dân trồng mía, góp phần xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc miền núi và bảo đảm nguyên liệu ổn định cho công nghiệp chế biến đường của địa phương. Đây là dự án liên kết theo chuỗi giá trị đã mở ra một mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả giữa doanh nghiệp, nhà quản lý, nhà khoa học và nông hộ.

Dự án: "Trồng và phát triển cây Mây nước, cây Sa nhân tím dưới tán rừng phòng hộ cho đồng bào dân tộc Hrê ở huyện Ba Tơ" đã góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân bảo vệ rừng, đồng thời góp phần lưu giữ bảo tồn nguồn gen cây bản địa của tỉnh (cây sa nhân tím) và phát triển nguyên liệu mây phục vụ cho sản xuất ở các làng nghề truyền thống.

Dự án: "Hỗ trợ xây dựng làng nghề trồng nấm (nấm ăn và nấm dược liệu) phục vụ chuyển đổi nghề nghiệp cho lao động từ các lò gạch thủ công xã Đức Nhuận và Đức Chánh, huyện Mộ Đức". Kết quả đã chuyển đổi nghề

cho 100 hộ dân từ nghề sản xuất gạch ngói thủ công, thu nhập thấp và gây ô nhiễm môi trường sang nghề sản xuất nấm tại xã Đức Nhuận và Đức Chánh huyện Mộ Đức, góp phần bảo vệ môi trường, tạo việc làm và thu nhập cho người dân chuyển đổi nghề.

Dự án "Ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển cây ăn quả hàng hóa tại huyện Nghĩa Hành", quy mô 45 ha cho 3 loại cây: Sầu riêng hạt lép, Bưởi da xanh, Chôm chôm java; tạo vùng trồng cây ăn trái tập trung, làm cơ sở cho việc thay đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa và hiệu quả kinh tế cho nông hộ; Dự án "Hỗ trợ xây dựng vùng chuyên canh cây thanh long ruột đỏ LĐ1 tại thị trấn Trà Xuân, xã Trà Phú và xã Trà Bình huyện Trà Bồng" nhằm phát triển sản xuất hàng hóa cây thanh long ruột đỏ theo hướng VietGAP, tăng hiệu quả sản xuất trên 1 đơn vị diện tích đất canh tác tại huyện Trà Bồng, quy mô 4 ha, đã mang lại thu nhập cho nông hộ tham gia dự án.

Dự án "Xây dựng mô hình Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp nông thôn Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh" trên cơ sở hợp nhất 4 hợp tác xã quy mô thôn thành Hợp tác xã quy mô xã, với 750 hộ dân tham gia. Hiện nay hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, hiệu quả, thu nhập của người dân trong HTX được ổn định. Kết quả dự án thể hiện tốt vai trò của Hợp tác xã trong xây dựng nông thôn mới; Dự án "Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nâng cao hiệu quả sản xuất lúa trên đất dồn điền - đổi thửa tại HTX nông nghiệp Bình Dương" đã áp dụng thành công kỹ thuật mới trong canh tác lúa, xây dựng cánh đồng lúa mẫu lớn quy mô 150 ha, năng suất đạt 65-70 tạ/ha/vụ, đã nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của HTX và thu nhập cho nông hộ tăng từ 15-20% so với sản xuất truyền thống.

Đang thực hiện đề tài "Thực nghiệm các giải pháp kỹ thuật trong canh tác tỏi ở huyện đảo Lý Sơn tỉnh Quảng Ngãi (*canh tác tỏi không bổ sung đất, không thay cát*)" nhằm xác định được các giải pháp kỹ thuật canh tác tỏi theo phương thức không bổ sung đất, không thay cát nhưng vẫn giữ được năng suất, chất lượng tỏi ở Lý Sơn; Dự án: "Xây dựng vùng chuyên canh rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP tại xã Nghĩa Dũng, TP.Quảng Ngãi" nhằm phát triển vùng sản xuất rau an toàn đạt tiêu chuẩn VIETGAP, quy mô trên 10 ha, cung cấp nguồn rau sạch cho người dân; Dự án: "Ứng dụng các giải pháp kỹ thuật thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp tại Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đức Vĩnh, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức" nhằm Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp tại xã Đức Phú huyện Mộ Đức, trên cơ sở hình thành chuỗi sản xuất gắn kết giữa trồng trọt, chăn nuôi và chế biến nhằm ổn định sản xuất, gia tăng giá trị cho sản phẩm nông nghiệp của địa phương; góp phần xây dựng nông thôn mới ở xã này, nâng cao năng lực dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp của HTX Dịch vụ nông nghiệp Đức Vĩnh và trình độ canh tác của nông dân trong vùng dự án triển khai. Dự án: "Hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở xã Tịnh

Bắc, huyện Sơn Tịnh" nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trên đơn vị sản xuất đất nông nghiệp từ 10 - 20% so với phương thức sản xuất truyền thống, góp phần định hình cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả ở xã Tịnh Bắc; từng bước nâng cao năng lực dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp của HTX Nông nghiệp Tịnh Bắc và trình độ canh tác của nông dân vùng dự án. Dự án: "Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình thực nghiệm sản xuất rau an toàn theo phương pháp thuỷ canh" nhằm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình thực nghiệm sản xuất rau quả an toàn theo phương pháp thủy canh trong điều kiện nhà màng, nhà lưới phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh Quảng Ngãi, cung cấp rau quả an toàn, chất lượng cho người dân. Dự án: "Hỗ trợ ứng dụng kỹ thuật sản xuất lúa gạo hữu cơ chất lượng cao tại Quảng Ngãi" nhằm ứng dụng quy trình công nghệ sản xuất lúa gạo hữu cơ tại Quảng Ngãi và hình thành chuỗi giá trị sản xuất tiêu thụ lúa gạo hàng hóa chất lượng, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững cho nghề trồng lúa truyền thống, nâng cao thu nhập cho doanh nghiệp và người dân. Dự án: "Quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận chè Minh Long" nhằm tổ chức, quản lý và khai thác có hiệu quả, bền vững sản phẩm chè xanh Minh Long và thu nhập ổn định cho đồng bào dân tộc miền núi ở huyện Minh Long.

*** Về chăn nuôi - thú y:**

Dự án: "Hỗ trợ áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển sản xuất nông nghiệp phục vụ xây dựng nông thôn mới tại xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành". Kết quả đã thay đổi tập quán chăn nuôi bò quản canh, chỉnh trang bố trí lại chuồng trại, phát triển nguồn thức ăn, lai tạo và áp dụng kỹ thuật nuôi thâm canh bò lai hướng thịt trên phạm vi toàn xã, nâng cao chất lượng đàn bò, đem lại thu nhập cho người dân, cải thiện điều kiện sinh hoạt và vệ sinh môi trường, góp phần xây dựng xã đạt tiêu chí nông thôn mới; Dự án "Xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi bò thành nghề sản xuất chính của nông hộ trên địa bàn huyện Đức Phổ" với quy mô 500 hộ dân tham gia, dự án được áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, kỹ thuật truyền tinh nhân tạo, kỹ thuật chăn nuôi bò sinh sản, bò thịt và cải tạo xây dựng chuồng đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần xây dựng nông thôn mới.

*** Về thủy sản:**

Để chủ động sản xuất cá giống tại địa phương góp phần phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đang triển khai dự án: "Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thử nghiệm ươn giống cá Bớp (Rachycentron canadum) giai đoạn từ trứng lên cá giống tại Quảng Ngãi" và Dự án: "Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất giống và thử nghiệm nuôi thương phẩm lươn đồng (Monopterus albus) tại Quảng Ngãi"; nhằm tạo ra đối tượng nuôi mới, nghề nuôi mới, tạo công ăn việc làm cho người dân

ven biển đang thực hiện đề tài: "Thử nghiệm công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá ngựa đen (Hippocampus kuda Pleeker 1852) tại tỉnh Quảng Ngãi", và bước đầu đã đạt được một số kết quả khả quan.

Thông qua các chương trình, dự án KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật hàng ngàn lượt nông dân; hỗ trợ cho hàng ngàn hộ nông dân trực tiếp tham gia xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật hiệu quả. Góp phần thực hiện mục tiêu chuyển giao tiến bộ kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, miền núi, hỗ trợ các huyện xây dựng dự án khoa học và công nghệ, đẩy nhanh tiến bộ kỹ thuật đến với người nông dân, hỗ trợ nông dân ứng dụng KH&CN vào sản xuất, tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, đặc biệt đối với đồng bào, dân tộc ở miền núi của tỉnh. Thời gian qua hoạt động khoa học và công nghệ đã có những đóng góp tích cực trong tiến trình xây dựng nông thôn mới tỉnh nhà.

b) Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn:

Kết quả nghiên cứu lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đã góp phần giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế-xã hội đảm bảo an ninh quốc phòng, như: Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Tổng kết thực tiễn rút ra những bài học kinh nghiệm, các vấn đề lý luận về đổi mới công tác Đảng, như: Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dân vận của thôn, tổ dân phố; thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lịch sử truyền thống, lịch sử Đảng bộ địa phương cho cán bộ, đảng viên và nhân dân,...Các đề tài đã được nghiệm thu kết quả và đã chuyển giao ứng dụng trong thực tiễn có kết quả rõ nét.

Đề tài "Biên soạn tài liệu dạy - học tiếng Co cho cán bộ, công chức (người Kinh) công tác tại huyện Trà Bồng và huyện Tây Trà". Kết quả đã biên soạn được bộ tài liệu dạy và học tiếng Co cho cán bộ công chức công tác tại huyện Trà Bồng, huyện Tây Trà, góp phần thực hiện Chỉ thị số 38/2004/CT-TTG ngày 9/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ công chức; Đề án "Nghiên cứu tình hình bạo lực gia đình ở tỉnh Quảng Ngãi" và đề tài "Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các nhóm giải pháp trong công tác phòng chống tham nhũng ở tỉnh Quảng Ngãi". Kết quả nghiên cứu đã đạt được nội dung, mục tiêu đề ra và đề xuất được các giải pháp phòng, chống bạo lực gia đình, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng ở địa phương. Đang thực hiện đề tài: "Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi"; Đề tài "Nghiên cứu hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật trong thanh thiếu niên tỉnh Quảng Ngãi".

c) Lĩnh vực y tế:

Trong lĩnh vực Y tế, nghiên cứu nhằm ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, đã thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, như: Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện trên địa bàn tỉnh; Nghiên cứu một số bệnh học đường thường gặp ở học sinh cấp tiểu học tỉnh Quảng Ngãi và đề xuất các giải pháp phòng chống. Đang thực hiện đề tài: "Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp can thiệp đối với trẻ tự kỷ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi".

d) Lĩnh vực kỹ thuật công nghệ:

Thông qua các đề tài, dự án KH&CN đã hỗ trợ Công ty cổ phần Cơ-Điện-Môi trường Lilama thực hiện thành công Dự án SXTN: "Thử nghiệm giải pháp kỹ thuật nhiệt phân để xử lý thu hồi dầu từ cặn dầu thải của nhà máy lọc dầu Dung Quất". Kết quả đã hoàn thiện được Quy trình công nghệ nhiệt phân cặn dầu thải của nhà máy lọc dầu Dung Quất, công suất 10 tấn/ngày; thu hồi được sản phẩm dầu làm nhiên liệu đốt có chất lượng tương đương dầu đốt FO phục vụ cho quá trình sản xuất của Công ty, và đem lại lợi ích kinh tế cho Công ty, góp phần bảo vệ môi trường tốt hơn so với phương án thiêu đốt trước đây.

Nhằm hạn chế gây ra ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi, góp phần bảo vệ môi trường khu vực nông thôn đã thực hiện dự án "Chuyển giao công nghệ chăn nuôi heo trên nền đệm lót sinh học (ứng dụng công nghệ lên men vi sinh vật) cho hộ chăn nuôi", với mục tiêu đề ra là chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ chăn nuôi heo trên nền đệm lót sinh học cho các hộ chăn nuôi ở các địa phương trên địa bàn tỉnh để chăn nuôi không gây ô nhiễm môi trường, không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, đem lại hiệu quả kinh tế, phát triển ngành chăn nuôi heo bền vững. Kết quả bước đầu cho thấy môi trường trong chăn nuôi được cải thiện đáng kể.

Để phát triển sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu đã đầu tư tại Trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học Hành Thuận-Nghĩa Hành Dự án: "Ứng dụng đồng bộ các thiết bị cơ khí trong sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu".

đ) Lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên và môi trường:

Hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên và môi trường đã tập trung nghiên cứu những vấn đề cấp thiết thực tiễn đặt ra, như nghiên cứu phục vụ phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, phục hồi đa dạng sinh học nhằm cung cấp cứ liệu, cơ sở khoa học phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội bền vững; dự báo, cảnh báo nguy cơ có thể xảy ra để chủ động phòng tránh kịp thời, đã và đang thực hiện các nhiệm vụ, như: Nghiên cứu những tác động của biến đổi khí hậu đối với tỉnh Quảng Ngãi; đề xuất các giải pháp thích ứng và ứng phó; Điều tra, đánh giá tiềm năng

và hoạt động khai thác thủy sản, đề xuất mô hình quản lý khai thác bền vững tại đầm An Khê, huyện Đức phổ"; Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng phục hồi rạn san hô khu vực biển ven bờ huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập

Để phục vụ yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, nông thôn tỉnh Quảng Ngãi cũng như xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã giao Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN thực hiện một số nhiệm vụ theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính và Bộ KH&CN về hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập và Công văn số 4079/BKH&CN-TCCB ngày 06/11/2014 của Bộ KH&CN về việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập.

Nhìn chung, các nhiệm vụ theo chức năng đã góp phần từng bước nâng cao năng lực làm chủ công nghệ của Trung tâm, tuy nhiên chức năng chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ ra thực tế còn gặp nhiều khó khăn do chưa có cơ chế rõ ràng, thông thoáng cho các hoạt động chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ ở cấp tỉnh.

4. Đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước

a) Hoạt động quản lý công nghệ, sở hữu trí tuệ và an toàn bức xạ hạt nhân:

Hoạt động thẩm định các dự án đầu tư đã thực hiện thẩm định công nghệ cho 17 dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Nhìn chung, hoạt động thẩm định công nghệ các dự án đầu tư trong thời gian qua đã góp phần ngăn chặn kịp thời những công nghệ yếu kém, công nghệ lạc hậu đầu tư vào địa phương.

Công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân đã nhận được sự quan tâm thương xuyên từ phía các cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ trên địa bàn tỉnh và đi vào nề nếp. Đa số các cơ sở chấp hành tốt công tác bảo đảm an toàn bức xạ trong quá trình hoạt động, tuân thủ nghiêm túc việc khai báo với Sở Khoa học và Công nghệ. Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ sở chủ quan, thiếu quan tâm đến công tác an toàn bức xạ tại đơn vị, để xảy ra vi phạm về công tác an toàn như: không thực hiện đào tạo nhắc lại về an toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ theo định kỳ.

Công tác phát triển thị trường công nghệ trong năm 2016 và 06 tháng đầu năm 2017 triển khai còn chậm và chưa đạt hiệu quả, vì đây là mảng công tác mới và khó, cần phải có sự đào tạo, hướng dẫn của Bộ KH&CN.

Hoạt động đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua còn khá chậm, nguyên nhân là do đa số các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hạn chế về vốn. Việc triển khai Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ trong khu vực sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 là động lực cho các doanh nghiệp mạnh dạn đổi mới thiết bị công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hiện nay đã có 06 doanh nghiệp đăng ký tham gia chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ trong khu vực sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 và đang hoàn chỉnh các hồ sơ, thủ tục để được xét duyệt, hỗ trợ theo quy định của Chương trình. Sở Khoa học và Công nghệ đang tiếp tục tuyên truyền, phổ biến nội dung chương trình đến rộng rãi các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh năm 2016 được đẩy mạnh thông qua các hoạt động tuyên truyền, tập huấn và các hoạt động gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ đã nâng cao nhận thức cho các tổ chức sản xuất, kinh doanh và các cán bộ quản lý có liên quan trong tỉnh về tạo lập, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ. Công tác thực thi quyền được thực hiện triệt để và kịp thời cũng đã giúp hạn chế tình trạng xâm phạm về quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp trong tỉnh về sở hữu trí tuệ, hỗ trợ doanh nghiệp bảo vệ, phát triển tài sản trí tuệ.

b) Hoạt động quản lý và dịch vụ kỹ thuật về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và TBT

*** Công tác quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và TBT**

Tổ chức 01 lớp đào tạo nghiệp vụ về năng suất chất và chất lượng cho một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục quảng bá trên kênh thông tin của Báo, Đài địa phương Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi năng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 cuar UBND tỉnh. Tổ chức tiếp nhận và hướng dẫn 31 hồ sơ đăng ký tham gia Chương trình và 14 hồ sơ đề nghị hỗ trợ từ Chương trình.

Ngày 20/4/2017, UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan hành chính nhà nước trong năm 2017 tại Quyết định số 728/QĐ-UBND.

Thực hiện kiểm tra nhà nước về đo lường, chất lượng đối với các nội dung: Phương tiện đo trong danh mục phương tiện đo nhóm 2 *(cân tải trọng xe cơ giới, đo nồng độ cồn trong hơi thở, đo tốc độ phương tiện giao thông, cân ô tô)* tại 08/13 cơ sở được phê duyệt theo kế hoạch, 05 cơ sở còn lại đã

tạm dừng hoạt động và đang lắp đặt; kiểm tra 43 PTĐ/8 cơ sở; Thiết bị điện, điện tử: 12 cơ sở kinh doanh với 3.168 đơn vị sản phẩm hàng hóa.

Tổ chức biên tập và hoàn thành 02 bản tin, cập nhật 632 thông báo từ WTO, 48 tiêu chuẩn Việt Nam, quy chuẩn Việt Nam mới ban hành, 06 tiêu chuẩn Việt Nam hủy bỏ, 13 văn bản mới thuộc lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Hướng dẫn, tiếp nhận 06 hồ sơ của doanh nghiệp đăng ký tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia năm 2017.

*** Hoạt động dịch vụ Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng:** Tổ chức kiểm định 7.057 phương tiện đo, kiểm nghiệm 290 mẫu sản phẩm.

c) Công tác thanh tra

Trong 6 tháng đầu năm 2017, tổ chức triển khai 5 cuộc thanh tra, trong đó có 01 cuộc thanh tra về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng, ghi nhãn hàng hóa, sở hữu công nghiệp đối với nhóm hàng phục vụ tết Nguyên Đán năm 2017 và 01 cuộc thanh tra về đo lường và an toàn bức xạ. Tổng số cơ sở được tiến hành thanh tra là 78 cơ sở. Qua thanh tra đã phát hiện và tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với 6 cơ sở với tổng số tiền xử phạt là 12.400.000 đồng.

d) Về công tác thông tin KH&CN và ứng dụng KH&CN

Xuất bản Tập san Khoa học và công nghệ số 01/2017. Thực hiện chuyên mục "Khoa học, Công nghệ và đời sống" số tháng 01, 02, 03/2017 trên sóng phát thanh và sóng truyền hình của Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi.

- Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng (về trồng trọt, chăn nuôi và CNSH) đảm bảo tiến độ, khối lượng, chất lượng theo đề cương được duyệt: Nhiệm vụ xây dựng vườn giống cây ăn quả; xây dựng tập đoàn cây ăn quả; tuyển chọn và lưu giữ giống lợn bản địa; tuyển chọn, nuôi lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống gà Hre Quảng Ngãi; thực nghiệm nuôi yến trong nhà thấp tầng ở khu vực nông thôn.

- Triển khai thực hiện các dự án ứng dụng: chuyển giao công nghệ chăn nuôi heo trên nền chuồng bằng đệm lót sinh học; ứng dụng đồng bộ các thiết bị cơ khí trong sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu; ứng dụng tiến bộ KHCN xây dựng mô hình thực nghiệm sản xuất rau an toàn theo phương pháp thủy canh.

5. Đánh giá tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN

Năm 2016, dự án "Nâng cao năng lực Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng" được đưa vào vận hành góp phần nâng cao năng lực kiểm định về máy X-Quang và CT, công tơ điện, xitéc ô tô.

Năm 2017, Trung tâm Thông tin và ứng dụng Khoa học Công nghệ được đầu tư dự án "Đầu tư cơ sở vật chất Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp (giai đoạn 2)" nhằm hoàn thiện các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, như: đường đi nội bộ, mương thoát nước, hệ thống điện, hệ thống cấp nước và nhà bảo vệ.

6. Đánh giá tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN

Hàng năm, Sở khoa học và Công nghệ được phân bổ kinh phí 01 lần theo quyết định phê duyệt của UBND tỉnh và thẩm tra dự toán kinh phí của Sở Tài chính, như sau:

ĐVT: triệu đồng

Năm	Kinh phí TW giao		Kinh phí được UBND tỉnh duyệt		Kinh phí thực hiện	
	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp KHCN	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp KHCN	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp KHCN
2016	8.000	21.600	6.500	21.600	6.500	21.600
2017	-	22.990	3.000	22.083	3.000	22.083

Có thể nhận thấy, năm 2017 nguồn kinh phí đầu tư cho sự nghiệp khoa học và công nghệ tăng 2,24% so với năm 2016. Tuy nhiên, hoạt động khoa học và công nghệ năm 2017 đã gặp phải một số khó khăn nhất định, đặc biệt là việc cân đối kinh phí cho các đề tài, dự án khoa học và công nghệ bắt đầu triển khai từ năm 2017 (chỉ cân đối được khoảng 50% nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2017). Nguồn vốn ngoài ngân sách ngày càng tăng lên, các doanh nghiệp và các tổ chức KH&CN đã chủ động trong việc huy động tài chính cho hoạt động KH&CN của đơn vị. Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thì mức đầu tư trên vẫn chưa đủ mạnh để đẩy nhanh sự phát triển của nền kinh tế, rút gắn khoảng cách về sự phát triển KH&CN so với các tỉnh trong khu vực và cả nước. Thị trường công nghệ chưa phát triển, các sản phẩm KH&CN chưa được thương mại hóa, đây cũng là một trong những nguyên nhân làm hạn chế khả năng huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư cho KH&CN.

7. Hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03/4/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia và các quy định của Nhà nước có liên quan, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đang nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi theo quy định.

III. Đánh giá chung

Nhìn chung, hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 đã đạt được một số kết quả có giá trị, phát huy

hiệu quả nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống. Đã tập trung nguồn lực thực hiện các chương trình, đề tài, dự án KH&CN; số lượng đề tài, dự án KH&CN giảm so với những năm trước nhưng tập trung nâng cao tính ứng dụng. Nội dung các chương trình, đề tài, dự án phục vụ sát thực các nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 05/4/2013 của Tỉnh ủy.

Các dự án ứng dụng KH&CN đã đạt được một số kết quả có giá trị, phát huy hiệu quả nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống. Chương trình KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp và Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh có tác động tích cực thúc đẩy doanh nghiệp áp dụng giải pháp hữu ích, đổi mới công nghệ thiết bị, mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp đã giữ vai trò quan trọng và là động lực cho sự phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững. Cung cấp cơ sở khoa học triển khai các dự án quy mô lớn, ứng dụng tổng hợp các thành tựu khoa học và công nghệ xây dựng cánh đồng mẫu lớn gắn với công nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Công tác quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ được triển khai đồng bộ. Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng được chú trọng, đẩy mạnh các hoạt động giám sát và hướng dẫn doanh nghiệp tuân thủ các quy định về đo lường, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch, nghiêm túc xử lý kịp thời các đối tượng vi phạm, góp phần tăng cường thực thi pháp luật về đo lường chất lượng, sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và nâng cao nhận thức về các quy định của pháp luật chuyên ngành trong sản xuất kinh doanh của các cá nhân, tổ chức.

Hoạt động KH&CN tỉnh Quảng Ngãi đã có những bước tiến nổi bật trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Chú trọng tới tính hiệu quả, hướng tới doanh nghiệp, thị trường và khẳng định được vai trò trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh. Nhiệm vụ KH&CN đã bám sát chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và các chỉ tiêu phát triển KH&CN đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 1244/QĐ-TTg; Quyết định số 418/QĐ-TTg). Việc xây dựng nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo hình thức đặt hàng. Kết quả nghiên cứu sau khi nghiệm thu được nhanh chóng chuyển giao, ứng dụng vào thực tiễn đời sống sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế xã hội được người dân đồng tình hưởng ứng.

Bên cạnh những kết quả rất đáng ghi nhận đó, hoạt động KH&CN tỉnh Quảng Ngãi vẫn còn nhiều vấn đề hạn chế rất cần sự chung tay góp sức của các nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp, sự quan tâm phối hợp đồng bộ của các Sở, ban, ngành, địa phương trong thời gian tới như: Hoạt động ứng

dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất, đổi mới công nghệ thiết bị trong doanh nghiệp, cơ chế tài chính đầu tư cho khoa học công nghệ, hoạt động kiểm tra, giám sát đảm bảo tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hóa trên thị trường,...Việc đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN ở các cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo tại Quảng Ngãi đến nay còn hạn chế, rất mong nhận được sự quan tâm hỗ trợ tích cực hiệu quả của Bộ Khoa học và Công nghệ trong thời gian đến.

B. Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2018

I. Định hướng, nhiệm vụ chủ yếu kế hoạch KH&CN năm 2018

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phù hợp với Kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 05/4/2013 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Chỉ thị 17/2007/CT-UBND ngày 19/6/2007 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong quản lý, sản xuất kinh doanh; Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 06/01/2010 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động của tỉnh thực hiện Kết luận số 234-TB/TW của Bộ Chính trị về nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2020; Kết luận số 06-KL/TW ngày 01/9/2016 của BCH Trung ương về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của ban Bí thư khóa IX Trung ương về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Các chỉ tiêu về phát triển khoa học và công nghệ xác định tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX. Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016 - 2020 của UBND tỉnh tại Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 18/12/2015.

- Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng nhiệm vụ KH&CN gắn với trách nhiệm sử dụng kết quả nghiên cứu, phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp, các ngành và sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Áp dụng cơ chế Quỹ và cơ chế khoán chi để nâng cao hiệu quả nghiên cứu các đề tài khoa học và công nghệ. Thành lập Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh và Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp để huy động các nguồn vốn đầu tư cho KH&CN nhằm hỗ trợ tổ chức, cá nhân hoạt động nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, đầu tư nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, triển khai nhân rộng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn có hiệu quả tại địa phương.

- Về phát triển tiềm lực KH&CN: Hình thành các tổ chức nghiên cứu triển khai, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ có khả năng nghiên cứu và phát triển các sản phẩm khoa học và công nghệ ở trình độ cao; đầu tư phát

triển cơ sở vật chất kỹ thuật theo hướng tiên tiến hiện đại nhằm phát triển mạnh tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Hỗ trợ xây dựng và triển khai thực hiện các dự án KH&CN nhằm áp dụng các kết quả KHCN trên địa bàn các huyện/thành phố; tăng cường quản lý hoạt động KH&CN cấp huyện, thành phố; trang bị cơ sở vật chất, bố trí nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý KH&CN ở địa phương.

- Công tác thông tin và ứng dụng khoa học công nghệ: Tăng cường công tác thông tin KH&CN, tập trung xây dựng mô hình cung cấp thông tin KH-CN phục vụ nông thôn miền núi; đào tạo, tập huấn, chuyển giao các tiến bộ KHCN cho các tổ chức cá nhân trên địa bàn tỉnh; tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm KHCN phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, chú trọng phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Công tác thanh tra tập trung thanh tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; an toàn bức xạ và hạt nhân, an ninh nguồn phóng xạ; thanh tra các chương trình đề tài, dự án KH&CN.

- Công tác quản lý công nghệ tập trung triển khai Chương trình khoa học và công nghệ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ trong khu vực sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; giám sát việc kiểm định các thiết bị X-quang hiện có trên địa bàn tỉnh; tổ chức chặt chẽ việc khai báo và quản lý số liệu tại các cơ sở bức xạ; thẩm định và cấp phép sử dụng thiết bị bức xạ.

- Công tác Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng: Tổ chức kiểm tra về chất lượng, đo lường, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các mặt hàng thuộc phạm vi quản lý, kiểm định phương tiện đo, kiểm nghiệm mẫu đáp ứng kịp thời những nhu cầu của xã hội, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tổ chức các Hội nghị về duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa, giai đoạn 2016 – 2020.

II. Dự toán ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN năm 2018:

(có Phụ lục kèm theo)

*** Dự toán kinh phí sự nghiệp KH&CN năm 2018: 41.395 triệu đồng.** Trong đó,

- Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện: 30.213 triệu đồng
- Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng: 200 triệu đồng
- Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước: 1.984 triệu đồng

  + Hoạt động Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng: 180 triệu đồng

+ Sở hữu trí tuệ: 85 triệu đồng

+ Thông tin và thống kê KH&CN: 400 triệu đồng

+ An toàn bức xạ và hạt nhân: 500 triệu đồng

+ Đào tạo, tập huấn: 460 triệu đồng

+ Đánh giá, thẩm định, giám định và CGCN: 80 triệu đồng

+ Thanh tra KH&CN: 178 triệu đồng

+ Hợp tác quốc tế: 101 triệu đồng

- Chi các đơn vị sự nghiệp: 2.150 triệu đồng
- Chi tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp: 5.859 triệu đồng
- Chi khác: 989 triệu đồng

*** Dự toán kinh phí đầu tư phát triển KH&CN năm 2018: 23.000 triệu đồng.**

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả hoạt động KH&CN năm 2016 và 06 tháng đầu năm 2017, Kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2018 của tỉnh Quảng Ngãi, Kính báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ./.

Nơi nhận:
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ phát triển KH&CN địa phương, Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP (KGVX), KGVX, TH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD. pbc279

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Dũng

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 1

Biểu TK1-1

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2016 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	**Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành**			
1	Gạch không nung từ xúc tác FCC (Fluid Catalytic Cracking) đã qua sử dụng của Nhà máy lọc dầu Dung Quất.	- Công ty cổ phần Cơ-Điện - Môi trường Lilama EME; - Ông Đặng Văn Sỹ, Tổng giám đốc	Sản xuất sản phẩm hình từ kết quả KH&CN: Gạch không nung từ xúc tác FCC (Fluid Catalytic Cracking) đã qua sử dụng của Nhà máy lọc dầu Dung Quất.	-Tên doanh nghiệp KH&CN: Công ty cổ phần Cơ-Điện-Môi trường Lilama; -Địa chỉ: Khu dịch vụ công cộng, Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; -Giấy phép kinh doanh: 4300357921 do Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 02/6/2015; -Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN số 01/2017/ĐK-DNKHCN ngày 16/02/2017 do Sở KH&CN tỉnh Quảng Ngãi cấp.
II	**Hoạt động đổi mới công nghệ điển hình**			
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			Tên sản phẩm, nhiệm vụ KH&CN; tình hình thực hiện
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			Ghi rõ kết quả, hiệu quả thực hiện, kèm theo tên nhiệm vụ KH&CN; kinh phí thực hiện (chia rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; từ bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
3	Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu			Đánh giá tình hình thực hiện, số kinh phí và nguồn (trong đó ghi rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; của bộ, ngành, địa phương; từ doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 1

Biểu TK1-2

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT NĂM 2016 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

STT	Tên sản phẩm/công trình/công nghệ	Xuất xứ	Hiệu quả kinh tế-xã hội	Ghi chú
1	-Mô hình thâm canh mía theo phương thức tiểu bậc thang. -Mô hình thâm canh mía theo đường đồng mức.	Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng cánh đồng mẫu sản xuất mía trên đất đồi gò nhằm nâng cao thu nhập cho người dân trồng mía tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.	- Đối với mô hình thâm canh mía theo phương thức tiểu bậc thang năng suất bình quân quy đổi theo chữ đường 10% đạt 72,3 tấn/ha/năm, vượt 20,5% so với mục tiêu đặt ra; cho thu nhập 42,2 triệu đồng/ha/năm trong khi đó sản xuất mía ngoài mô hình với cùng điều kiện thổ nhưỡng, địa hình cho thu nhập là 25,2 triệu đồng/ha/năm. - Đối với mô hình thâm canh mía theo đường đồng mức năng suất bình quân quy đổi theo chữ đường 10% đạt 75,4 tấn/ha/năm, vượt 25,7% so với mục tiêu đặt ra; cho thu nhập 45,1 triệu đồng/ha/năm, cao hơn ngoài mô hình cùng điều kiện thổ nhưỡng, địa hình 17,9 triệu đồng/ha/năm. Kết quả đạt được của dự án đã khẳng định sự đóng góp của KHCN trong việc tăng năng suất chất lượng cây mía, giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả trên một đơn vị canh tác. Thông qua đó các hộ nông dân đã tiếp cận khoa học kỹ thuật để áp dụng vào sản xuất, góp phần tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn miền núi. Đào tạo được 20 kỹ thuật viên cơ sở; Tập huấn về kỹ thuật canh tác mía theo mô hình dự án với 200 lượt người dự.	

2	- Hướng dẫn kỹ thuật tổng hợp canh tác lúa trên vùng đất nhiễm phèn mặn Bình Dương. - Mô hình cánh đồng mẫu lớn chuyên canh tác lúa trên đất dồn điền đổi thửa, quy mô trên 150 ha; năng suất 65-70 tạ/ha/vụ.	Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nâng cao hiệu quả sản xuất lúa trên đất dồn điền - đổi thửa tại HTX nông nghiệp Bình Dương, huyện Bình Sơn	Nâng cao năng lực quản lý và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp Bình Dương trong sản xuất và kinh doanh; áp dụng kỹ thuật công nghệ mới trong canh tác lúa, hình thành cánh đồng mẫu lớn nhằm đưa sản xuất lúa của địa phương thành sản xuất hàng hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế và thu nhập cho nông dân và xã viên hợp tác xã, góp phần cùng xã Bình Dương hoàn thành xây dựng nông thôn mới vào năm 2015. Kết quả xây dựng được cánh đồng lúa mẫu lớn qui mô trên 150 ha, canh tác đạt năng suất 65-70 tạ/ha/vụ, chất lượng và độ đồng nhất sản phẩm hàng hóa tốt, thu nhập người sản xuất tăng từ 15-20% so với sản xuất truyền thống. Đào tạo được 10 kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn cho 1.400 lượt người dân về kỹ thuật trồng lúa lai, lúa thuần trên đất phèn, nhiễm mặn tại xã Bình Dương, huyện Bình Sơn. Việc triển khai dự án đã nâng cao kiến thức, kỹ năng và khả năng tiếp nhận tiến bộ khoa học công nghệ trong canh tác lúa cho xã viên Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Bình Dương.	
3	- Quy trình xử lý và thu hồi dầu từ cặn dầu thải của nhà máy lọc dầu Dung Quất, công suất 10 tấn/ngày. - Quy trình xử lý: nước, khí thải, cặn dầu phát sinh từ quá trình nhiệt phân cặn dầu thải của nhà máy lọc dầu Dung Quất. - Sản phẩm dầu thu hồi sau quá trình nhiệt phân có chất lượng tương đương dầu nhiên liệu đốt lò FO.	Dự án SXTN: Thử nghiệm giải pháp kỹ thuật nhiệt phân để xử lý thu hồi dầu từ cặn dầu thải của Nhà máy lọc dầu Dung Quất.	- Về môi trường: mang lại một hướng mới trong công nghệ xử lý môi trường, đó là tái chế chất thải, giúp hạn chế các phát thải thứ cấp ra môi trường (hàng năm Nhà máy lọc dầu Dung Quất thải ra khối lượng khoảng 600 tấn cặn dầu và Công ty cổ phần Cơ Điện Môi trường Lilama có nhiệm vụ xử lý) - Về kinh tế - xã hội: Thu hồi được một lượng lớn dầu làm nhiên liệu dầu đốt (khoảng 10% từ khối lượng cặn dầu thải), mang lại lợi ích kinh tế cho Công ty 12,5 – 16,8 %/năm. Xây dựng được phương án tái chế chất thải thu hồi nhiên liệu, góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, giảm tiêu thụ năng lượng bên ngoài, giảm phát thải thứ cấp ra ngoài môi trường; tạo việc làm cho người lao động địa phương khoảng 10 người; đào tạo được cán bộ kỹ thuật công nghệ, nâng cao năng lực về khoa học và công nghệ của Công ty, tăng khả năng cạnh tranh.	

4	- Có 2.160 bò cái sinh sản có chửa; - Có 2.100 bê lai sinh ra từ 2.160 bò cái sinh sản có chửa, trọng lượng sơ sinh bình quân 23-24 kg/con; - 250 chuồng trại được xây dựng, chỉnh trang theo mẫu thiết kế; - 400 vườn cỏ chất lượng: VA06, cỏ sả TĐ 58, cỏ Mulato (mỗi vườn 250m^2), tương đương 10 ha; -05 Quy trình kỹ thuật về chăn nuôi bò phù hợp với điều kiện địa phương.	Dự án: Hỗ trợ áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển sản xuất nông nghiệp phục vụ xây dựng nông thôn mới tại xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.	- Về kinh tế- xã hội, môi trường: Thu nhập cho nông hộ 22,8 triệu đồng/hộ/năm, đã nâng cao thu nhập cho hộ gia đình so với cách nuôi truyền thống. Với số bê lai sinh ra từ kết quả phối giống của dự án là 2.100 con, giá trị gia tăng mang lại là 5.880 triệu đồng. Nâng cao nhận thức của nông hộ trong việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào chăn nuôi, làm quen với phương thức chăn nuôi có kiểm soát, làm chuồng trại kiên cố, sử dụng giống tốt, chủ động nguồn thức ăn và phòng bệnh. Góp phần chăn nuôi bền vững, ổn định kinh tế-xã hội vùng nông thôn, nâng cao đời sống người dân; giảm thiểu ô nhiễm môi trường, phát thải khí nhà kính trong chăn nuôi; góp phần xây dựng nông thôn mới.	

5	-Mô hình canh tác cây Ngô trên đất lúa vụ hè thu: diện tích 15 ha; năng suất bình quân của mô hình đạt 66 tạ/ha, tăng hơn mục tiêu mô hình 01tạ/ha và tăng hơn so với sản xuất đại trà 11 tạ/ha (Sản xuất truyền thống bình quân đạt 55 tạ/ha). -Mô hình canh tác cây Lạc trên đất lúa vụ hè thu: diện tích 50 ha; Năng suất bình quân đạt 32,0 tạ/ha, vượt mục tiêu đề ra 02 tạ/ha và tăng hơn sản xuất truyền 10 tạ/ha; -Mô hình canh tác cây Mè trên đất lúa vụ hè thu: diện tích 15 ha; năng suất đạt 10 tạ/ha.	Dự án: Ứng dụng các giải pháp kỹ thuật thực hiện tái cõ cấu sản xuất nông nghiệp tại Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đức Vĩnh, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức.	- Đối với mô hình canh tác cây Ngô: Lợi nhuận từ mô hình là 7.310.000đ/ha, cao hơn canh tác truyền thống là 1.090.000 đ/ha (canh tác truyền thống 6.220.000đ/ha). - Đối với mô hình canh tác cây lạc: Lợi nhuận từ mô hình khi thu hoạch và bán quả khô là 20.480.000đ/ha, cao hơn canh tác truyền thống là 670.000đ/ha (canh tác truyền thống 19.810.000đ/ha). Khi ép dầu bán với giá dầu 90.000đ/lít thì mức lãi lên đến 37.840.000đ/ha, cao hơn bán quả khô là 17.360.000đ/ha (bán quả khô 20.480.000đ/ha). Qua chế biến dầu ăn đã tăng mức lãi lên 1,85 lần so bán sản phẩm thô. - Mô hình canh tác cây mè: Lợi nhuận từ mô hình khi thu hoạch và bán quả khô là 10.225.000đ/ha, cao hơn canh tác truyền thống 2.740.000đ/ha (canh tác truyền thống 7.485.000đ/ha); khi ép dầu bán lợi nhuận là 27.425.000đ/ha, cao hơn bán quả khô 10.205.000đ/ha (Bán quả khô là 17.220.000đ/ha), tăng mức lãi lên 1,59 lần so với bán sản phẩm thô. Nhờ áp dụng tiến bộ kỹ thuật, sử dụng giống mới, bón cân đối NPK, tưới nước hợp lý và đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của cây giúp cây sinh trưởng phát triển tốt, tăng năng suất; ít sử dụng thuốc BVTV. Ngoài sản phẩm chính, nông dân có thể tăng thu nhập từ mô hình bằng cách sử dụng sản phẩm phụ vào chăn nuôi: Thân lá lạc, khô dầu lạc mè, thân lá cây ngô. Bên cạnh đó, nhờ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, bón phân hợp lý, vừa đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của cây nên hiệu quả môi trường tăng rõ rệt. Kết quả dự án có ý nghĩa phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở địa phương.	

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 1
Biểu TK2

NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu – phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN và cơ chế hoạt động	Nhân lực hiện có đến 30/6/2017						Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng từ NSNN năm 2017 (tr.đ)	Ghi chú (công lập/ngoài công lập)
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH						
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư	Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
I	**Các đơn vị do cấp tỉnh quyết định thành lập**									
1	Trung tâm Trắc địa và Quan trắc Môi trường tỉnh Quảng Ngãi	Số 05/CN-SKHCN ngày 29/11/2010	22	22	-	-	17	05	0	-Công lập; - Tự chủ về tài chính.
2	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học - công nghệ	Số 01/CN-SKHCN ngày 29/4/2011	18	18	-	-	16	02	791	Công lập
3	Trung tâm Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao	Số 02/GCN-SKHCN ngày 03/6/2011	11	11	-	-	10	01	0	Ngoài công lập
4	Trung tâm CNTT và Truyền thông Quảng Ngãi	Số 03/GCN-SKHCN ngày 25/8/2011	16	16	-	-	12	04	855	Công lập

5	Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi Quảng Ngãi	Số 02/GCN-SKHCN ngày 08/11/2013	25	25	-	-	20	5	306	-Công lập; -Tự chủ về tài chính.
6	Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và đào tạo, huấn luyện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ	Số 01/GCN-SKHCN ngày 30/12/2016	6	6	-	-	5	1	83	Công lập
7	Trung tâm tư vấn, dịch vụ phát triển Khoa học và Công nghệ Quảng Ngãi	Số 01/CN-SKHCN ngày 14/02/2017	15	15	1	-	14	-	0	Công lập
II	**Đơn vị do Bộ KH&CN thành lập, địa phương trực tiếp quản lý**									
1	Trung tâm Kỹ thuật quan trắc môi trường Dung Quất	Số A – 237, ngày 06/01/2012	86	58	-	3	29	26	1.600	-Công lập; -Tự chủ về tài chính.
	Tổng số		199	171	1	3	123	44		

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 1
Biểu TK3

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN NĂM 2016 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2016	6 tháng đầu năm 2017
I	**Số nhiệm vụ KH&CN được triển khai**			
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ	-	-
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ	-	04
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ	08	05
4	Lĩnh vực y dược	N.vụ	-	01
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ	03	03
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ	-	01
II	**Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ**			
1	Thẩm định dự án đầu tư	DA	11	6
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HĐ	-	-
3	Giám định công nghệ	CN	-	-
III	**Công tác an toàn bức xạ hạt nhân**			
1	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở	12	3
2	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép	12	3
IV	**Công tác Sở hữu trí tuệ**			
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ	29	09
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn	42	1
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng	29	14
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ	6	-
5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA	-	-
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK	-	-
V	**Công tác thông tin và thống kê KH&CN**			
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL		
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành.	Ấn phẩm, phút		
2.1	*Tạp chí/bản tin KH&CN*	Tạp chí/bản tin	6	3
2.2	*Phóng sự trên đài truyền hình*	Buổi phát	12	6
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu		
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN			
4.1	*Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành*	Nhiệm vụ	10	
4.2	*Nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký kết quả thực hiện*	Nhiệm vụ	8	1
4.3	*Nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng*	Nhiệm vụ		
5	Thống kê KH&CN			

5.1	*Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng*	*Số cuộc/số phiếu*	13	
5.2	*Báo cáo thống kê cơ sở*	*Báo cáo*	13	
5.3	*Báo cáo thống kê tổng hợp*	*Báo cáo*	01	
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)			
VI	**Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng**			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện	16.000	7.057
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn		
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn		
4	Số doanh nghiệp được cấp/gia hạn chứng chỉ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008	DN		
5	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008	Đơn vị		
6	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc		
7	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu	650	290
VII	**Công tác thanh tra**			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc	13	5
2	Số lượt đơn vị được thanh tra	Đơn vị	216	78
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý	Vụ	44	6
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ	296	12,4
VIII	**Hoạt động đổi mới công nghệ**			
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt.	Nhiệm vụ	2	4
2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ	Doanh nghiệp		
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp		
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ		
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HĐ		
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ		
IX	**Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN**			
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
3	Kéo dài thời gian công tác	Người		
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người		
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người		
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người		
X	**Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN**			

1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp	-	01
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN (tập trung viện nghiên cứu, trường)	Cơ sở		
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị		
XI	**Công tác phát triển thị trường KH&CN**			
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường	Tr.đ		
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ	%		
XII	**Hỗ trợ "Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025"**			
1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)	Doanh nghiệp		
2	Số lượng dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được hỗ trợ	Dự án		
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được hỗ trợ	Doanh nghiệp		
4	Số lượng doanh nghiệp tham gia Đề án gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị		

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 1
Biểu TK4

VĂN BẢN VỀ KH&CN ĐƯỢC BAN HÀNH NĂM 2016 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Số TT	Tên văn bản	Ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành		
			Tỉnh ủy	HĐND	UBND
1	Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ban hành Quy định Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Quảng Ngãi	21/3/2016			x
2	Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	20/9/2016			x
3	Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Kế hoạch nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020	08/02/2017			x
4	Quyết định số 1596/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020	01/9/2016			x
5	Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2016-2020	28/6/2016			x
6	Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND tỉnh phê duyệt "Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ trong khu vực sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020" và "Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020"	08/7/2016			x
7	Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phát triển KH&CN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020	30/12/2016			x

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 2
Biểu TK2

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH/NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên Chương trình/tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện		Kinh phí				Ghi chú
			Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	KP hỗ trợ từ NSNN		Dự kiến kinh phí năm 2018	
						Tổng	Đã cấp đến hết năm 2017		
A	**Chuyển tiếp sang 2018**				**280.465**	**68.169**	**38.585**	**16.913**	
I	**Đề tài, dự án, nhiệm vụ**				**265.115**	**52.819**	**34.511**	**13.558**	
1	Dự án: Ứng dụng KHCN xây dựng mô hình liên kết giữa doanh nghiệp-Nông dân để sản xuất ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi trên đất lúa kém hiệu quả ở huyện Sơn Tịnh	-Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện sơn Tịnh; -KS. Nguyễn Thị Dương Lộc	2016	2019	6.600	880	860	10	*Dự án thuộc CT NTMN giai đoạn 2016 – 2025 nhóm Trung ương quản lý.(NSTW: 2.710 trđ, SNKH tỉnh: 880 trđ, NS huyện: 1.162trđ, , nguồn khác: 1.748trđ)*
2	Dự án: Hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích đất	-UBND xã Tịnh Bắc	2015	2018	8.995,30	3.196	2.560	76	-Ngân sách huyện: 560 tr.đ

	sản xuất nông nghiệp ở xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh.	-Đồng chủ nhiệm dự án: KS. Lương Văn Trị, Chủ tịch UBND xã Tịnh Bắc và Ông Hoàng Thế Vinh, Giám đốc HTX Nông nghiệp Tịnh Bắc.							
3	Dự án: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thử nghiệm ương giống cá Bớp *(Rachycentron canadum)* giai đoạn từ trứng lên cá giống tại Quảng Ngãi.	-Trung tâm giống tỉnh Quảng Ngãi; -KS. Phạm Tấn Quang	2016	2018	7.572,75	906	486	420	
4	Dự án: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất giống và thử nghiệm nuôi thương phẩm lươn đồng *(Monopterus albus)* tại Quảng Ngãi.	-Trung tâm giống tỉnh Quảng Ngãi; -KS. Nguyễn Thành Nhân	2016	2019	1.436,543	812	745	67	
5	Đề tài: Thử nghiệm công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá ngựa đen *(Hippocampus kuda Pleeker 1852)* tại tỉnh Quảng Ngãi.	-Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi; -ThS. Nguyễn Hữu Thái	2016	2018	1.187	954	819	135	
6	Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình thực nghiệm sản xuất rau an toàn theo phương pháp thuỷ canh.	-Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học - công nghệ	2016	2018	1.508	1.508	1.430	78	

		tỉnh Quảng Ngãi; -KS. Nguyễn Văn Cao							
7	Dự án SXTN: Sản xuất tỏi đen từ tỏi Lý Sơn.	-Công ty cổ phần DORI -KS. Phạm Văn Công	2016	2018	3.881,158	570	490	80	
8	Dự án: Hỗ trợ ứng dụng kỹ thuật sản xuất lúa gạo hữu cơ chất lượng cao tại Quảng Ngãi.	-Công ty TNHH Giống cây trồng vật nuôi Nông Tín *(Doanh nghiệp KHCN)* -Đồng chủ nhiệm dự án: CN. Nguyễn Văn Tấn và KS. Phan Sơn	2016	2019	7.920,808	2.178	1.491	646	
9	Dự án: Quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận chè Minh Long.	-Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Minh Long; -KS. Nguyễn Đức Thịnh	2016	2019	2.637,08	1.260	909	266	
10	Đề tài: Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp can thiệp đối với trẻ tự kỷ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	-Sở Y tế Quảng Ngãi; -ThS. BSCKII. Nguyễn Tấn Đức.	2016	2018	1.352	1.352	1.180	172	

11	Đề tài: Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	-Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi -ThS. Bùi Đức Thọ	2016	2018	683	683	584	99	
12	Đề tài: Nghiên cứu hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật trong thanh thiếu niên tỉnh Quảng Ngãi	-Công an tỉnh quảng Ngãi -TS. Trương Binh	2016	2018	621	621	480	141	
13	Dự án: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng phục hồi rạn san hô khu vực biển ven bờ huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.	-Viện Hải dương học -TS. Hoàng Xuân Bền	2015	2018	1.455	1.455	915,447	166	
14	Nhiệm vụ: "Nghiên cứu lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống cây quế bản địa Trà Bồng tại Quảng Ngãi và đánh giá kết quả bảo tồn".	-Chi cục Lâm nghiệp Quảng Ngãi; -KS. Trần Kim Ngọc	2015	2020	2.380	2.380	1.579	323	
15	Nhiệm vụ: Chăm sóc vườn giống cây ăn quả (bưởi da xanh, chôm chôm Java, sầu riêng hạt lép) nhằm tuyển chọn và cung cấp nguồn giống cây ăn quả có chất lượng.	-Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học - công nghệ tỉnh Quảng Ngãi; -KS. Nguyễn Thị Thanh Bình	2016	2018	1.435	1.435	947	429	Dự toán 2017 trừ tiết kiệm 59tr

16	Dự án: Xây dựng và phát triển chăn nuôi bò thành nghề sản xuất chính của nông hộ trên địa bàn huyện Đức Phổ	-Trạm Khuyến nông huyện Đức Phổ -CN. Nguyễn Thành Lưu	2014	2017	77.757	2.152	2.152		
17	Dự án: Hỗ trợ xây dựng vùng chuyên canh cây thanh long ruột đỏ LĐ1 tại thị trấn Trà Xuân, xã Trà Phú và xã Trà Bình huyện Trà Bồng	-UBND huyện Trà Bồng -ThS. Trần Văn Sương	2014	2017	3.513	1.430	1.430		
18	Dự án: xây dựng vùng chuyên canh rau an toàn đạt tiêu chuẩn VIETGAP, tại xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi	-UBND TP. Quảng Ngãi -CN. Võ Quang	2014	2017	5.857	1.683	918,730		NSTP: 762,27 SNKH: 918,73
19	"Thực nghiệm các giải pháp kỹ thuật trong canh tác tỏi ở huyện đảo Lý Sơn tỉnh Quảng Ngãi (*canh tác tỏi không bổ sung đất, không thay cát*)."	-Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp duyên hải nam Trung bộ; -TS. Hồ Huy Cường	2015	2017	945	945	945		
20	Dự án "Chuyển giao công nghệ chăn nuôi heo trên nền đệm lót sinh học (ứng dụng công nghệ lên men vi sinh vật) cho hộ chăn nuôi".	-Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học-công nghệ; -CN Bùi Ngọc Trúc	2015	2017	8.718	1.578	1578		
21	Dự án: "Ứng dụng đồng bộ các thiết bị cơ khí trong sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu".	-Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN -KS. Hồ Ngọc Thanh	2015	2017	2.282	2.282	2.282		

22	Dự án: "Thử nghiệm giải pháp kỹ thuật nhiệt phân để xử lý thu hồi dầu từ cặn dầu thải của nhà máy lọc dầu Dung Quất".	-Công ty cổ Cơ-Điện-Môi trường LILAMA -TS. Nguyễn Mạnh Huấn	2015	2017	5.524	1.440	1.440		
23	Nhiệm vụ: "Tuyển chọn, nuôi lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống gà H're Quảng Ngãi".	-Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN -KS. Lê Thị Quỳnh Trang	2015	2017	559	559	559		
24	Ứng dụng các giải pháp kỹ thuật thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp tại Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Đức Vĩnh, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức.	-UBND huyện Mộ Đức -CN. Ngô Văn Thanh -Ông Đoàn Thanh Minh	2015	2017	7.539	1.980	1.980		
25	Nhiệm vụ: Lưu giữ và bảo tồn nguồn gen giống lợn bản địa (lợn kiêng sắt)	-Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN -KS. Lê Thị Quỳnh Trang	2016	2017	533	169	169		
26	Đề tài: Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát huy vai trò của doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Ngãi	- Trường Đại học Kinh tế-Luật TP.HCM; -Đồng chủ nhiệm: PGS-TS. Nguyễn Tiến Dũng và PGS-TS. Phạm Đăng Phước	2017	2018	840	840	450	390	

27	Đề tài: Thiết kế và chế tạo máy cắt Plasma, oxy CNC dạng trung bình	-Trường Cao đẳng kỹ thuật công nghệ Dung Quất; -ThS.Nguyễn Tấn Tại	2017	2018	793	793	400	393	
28	Dự án: Ứng dụng kỹ thuật nuôi trâu cải tiến để nâng cao thu nhập cho đồng bào dân tộc Hrê và bảo vệ môi trường ở huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi	-UBND huyện Minh Long; -CN. Võ Đình Tiến	2017	2020	3.934	2.055	600	1.190	
29	Đề tài: Đề tài: Chọn tạo và phát triển một số giống lúa mới ngắn ngày, có năng suất cao, phẩm chất gạo tốt phục vụ sản xuất để tăng thu nhập cho nông dân Quảng Ngãi và một số tỉnh khu vực miền Trung.	-Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi; -CN. Đỗ Đức Sáu	2017	2020	3.056	1.530	277	468	
30	Dự án: Hỗ trợ nhân rộng dịch vụ công hành chính trực tuyến mức độ 3 trở lên để phục vụ cho người dân và tổ chức.	-Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông Quảng Ngãi;	2017	2018	843	843	500	343	

		-ThS. Nguyễn Ngọc Trân							
31	Dự án: Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển chăn nuôi bò lai, tăng thu nhập cho nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới ở các xã miền núi, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.	-Trạm Khuyến nông huyện Đức Phổ; -KS. Huỳnh Long	2017	2020	40.761	1.870	500	976	
32	Đề tài: Hỗ trợ chuyển giao ứng dụng kỹ thuật phẫu thuật điều trị trĩ bằng phương pháp Longo tại tỉnh Quảng Ngãi.	-Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi; -TS. Nguyễn Đình Tuyến.	2017	2018	560	560	360	200	
33	Dự án: Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ KH&CN trong chăn nuôi lợn nái sinh sản và lợn thịt hướng nạc nhằm nâng cao thu nhập cho nông dân ở các xã ven biển huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.	-Trạm khuyến nông huyện Đức Phổ; -KS. Đỗ Tiến Thật	2017	2019	5.645,7	2.220	350	1.792	
34	Dự án: Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển đàn bò lai hướng thịt trên nền bò cái Zê bu tại các xã miền núi huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.	-UBND huyện Sơn Tịnh; -ThS. Phạm Hồng Sơn	2017	2019	40.168,4	2.078	400	1.218	
35	Đề tài: Nghiên cứu chế tạo thiết bị hỗ trợ tập phục hồi chức năng chi dưới.	-Trường Đại học Phạm Văn Đồng chủ trì. -Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi phối hợp thực hiện;	2017	2019	1.195	1.195	300	600	

		-ThS. Đào Minh Đức							
36	Đề tài: Nghiên cứu, đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động phòng cháy, chữa cháy ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	-Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Quảng Ngãi chủ trì; -Đại tá-ThS. Nguyễn Đức Nguyện	2017	2019	880	880	400	480	
37	Đề tài: Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng các xã ven biển, hải đảo tỉnh Quảng Ngãi trong lãnh đạo phát triển kinh tế gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.	-Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi chủ trì; -TS. Trương Thị Mỹ Trang.	2017	2019	837	837	300	435	
38	Đề tài: Sưu tầm, dịch thuật, phân loại và đánh giá tư liệu Hán Nôm ở Quảng Ngãi.	-Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi chủ trì; -TS. Nguyễn Đăng Vũ	2017	2018	880	880	295	585	
39	Dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin thí điểm xây dựng mô hình quản lý, vận hành hệ thống tưới nước tự động trên một phần diện tích tưới của kênh NVC2 thuộc hệ thống kênh chính Nam Thạch Nham tại xã Nghĩa Lâm, huyện Tư	Chi cục Thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi chủ trì; -Công ty thủy nông Quảng Ngãi phối hợp thực hiện;	2017	2018	1.830	1.830	450	1.380	

	Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.	-Đồng chủ nhiệm: ThS. Bùi Đức Thái và ThS. Nguyễn Quốc Hiệp							
II	***Chương trình Hỗ trợ Doanh nghiệp***				***15.350***	***15.350***	***4.074***	***3.355***	
1	Kinh phí thực hiện Chương trình hỗ trợ Doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 23/6/2016 của UBND tỉnh	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	2016	2020	6.500	6.500	1.732	1.575	*Dự toán 2017 trừ tiết kiệm theo quy định : 244 triệu đồng*
2	Kinh phí thực hiện chương trình KH&CN hỗ trợ đổi mới thiết bị công nghệ trong khu vực sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh QN, giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND tỉnh	Văn phòng Sở KH&CN	2016	2020	7.640	7.640	2.095	1.500	*Dự toán 2017 trừ tiết kiệm theo quy định : 250 triệu đồng*
3	Kinh phí thực hiện chương trình KH&CN phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND tỉnh	Văn phòng Sở KH&CN	2016	2020	1.210		247	280	*Dự toán 2017 trừ tiết kiệm theo quy định : 23 triệu đồng*
B	**Nhiệm vụ mới thực hiện từ 2018**				**127.525**	**28.740**		**13.300**	
1	Dự án: Ứng dụng khoa học và		2018	2020	44.090	3.500		1.200	

	công nghệ hình thành liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất, kinh doanh Nếp Ngự Sa Huỳnh.								
2	Dự án: Xây dựng vùng chuyên canh sản xuất củ Hành tím theo tiêu chuẩn sạch (sản xuất hữu cơ) và xây dựng thương hiệu "Hành tím Vạn Tường-Bình Sơn" tại xã Bình Hải, Bình Sơn, Quảng Ngãi.		2018	2019	6.000	1.200		600	
3	Đề tài: Nghiên cứu bảo tồn và phát triển vùng ớt xiêm tự nhiên tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.		2018	2019	900	900		500	
4	Đề tài: Nghiên cứu xác lập cơ cấu cây trồng hiệu quả trên đất cát ven biển tỉnh Quảng Ngãi.		2018	2020	2.500	2.500		900	
5	Dự án: Ứng dụng KHCN xây dựng mô hình chuỗi liên kết trong sản xuất hạt giống lúa thuần và gạo sạch theo hướng VietGAP tại xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi		2018	2020	29.492	3.200		1.500	
6	Dự án: Xây dựng và phát triển chuỗi giá trị chăn nuôi heo an toàn bền vững có bổ sung thức ăn từ cây dược liệu.		2018	2020	19.300	3.600		1.500	
7	Dự án: Xây dựng và phát triển chuỗi giá trị chăn nuôi heo rừng lai an toàn bền vững sử dụng thức ăn bản địa có bổ sung cây dược liệu.		2018	2020	6.920	1.930		800	
8	Đề tài: Nghiên cứu phục tráng và phát triển giống lạc sẻ địa phương		2018	2020	900	900		400	

	trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.								
9	Cải thiện tầm vóc giống trâu địa phương bằng giống trâu Murrah (dùng phương pháp lai tạo nhảy trực tiếp và thụ tinh nhân tạo).		2018	2020	5.000	2.000		700	
10	Đề tài: Điều tra, đánh giá nguồn lợi giống cá dìa và xây dựng qui trình ương cá dìa từ cỡ hạt dưa lên cá giống trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.		2018	2019	900	900		500	
11	Dự án: Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý hành-tỏi Lý Sơn.		2018	2020	2.000	2.000		800	
12	Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình cánh đồng mẫu sản xuất nguyên liệu mì ở huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.		2018	2020	6.720	3.310		2.300	
13	Đề tài: Nghiên cứu thực trạng; đề xuất giải pháp nhằm khắc phục tình trạng tảo hôn ở các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi.		2018	2019	1.200	1.200		600	
14	Đề tài: Điều tra hiện trạng và giá trị nguồn dược liệu ma-gang (măn-gan) ở tỉnh Quảng Ngãi làm cở sở quản lý, sử dụng, bảo tồn và phát triển bền vững.		2018	2019	1.600	1.600		1.000	
	Tổng số				**407.990**	**96.909**	**38.585**	**30.213**	

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 2
Biểu TK3

HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KH&CN NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên Dự án/ công trình	Căn cứ pháp lý (QĐ phê duyệt)	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện		Kinh phí		
					Khởi công	*Hoàn thành*	Tổng vốn đầu tư được duyệt	Kinh phí được phân bổ lũy kế hết năm 2017	Kế hoạch vốn năm 2018
I	**Dự án chuyển tiếp**						**7.500**	**3.000**	**4.500**
1	Đầu tư cơ sở vật chất Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp (giai đoạn 2)	Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 20/12/2016	BQL dự án đầu tư xây dựng dân dụng và công nghiệp	Xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	2017	2018	7.500	3.000	4.500
II	**Dự án mới**						**39.999**	**-**	**18.500**
1	Tăng cường cho Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Quyết định số 684a/QĐ-UBND ngày 16/12/2016	Sở Khoa học và Công nghệ	TP. Quảng Ngãi	2018	2019	15.000	-	7.500
2	Đầu tư trang thiết bị, máy móc cho Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp		Sở Khoa học và Công nghệ	Xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	2018	2020	10.000	-	4.000
3	Dự án "Phòng thí nghiệm cơ - điện tử phục vụ đào tạo và nghiên cứu tại Trường Đại học Phạm Văn Đồng"		Trường Đại học Phạm Văn Đồng	TP. Quảng Ngãi	2018	2019	14.999		7.000
	Tổng cộng						**47.499**	**3.000**	**23.000**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 2
Biểu TK4-2

DỰ KIẾN KINH PHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ TW THÔNG BÁO NĂM 2017	KINH PHÍ UBND TỈNH, TP PHÊ DUYỆT 2017	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2017	KINH PHÍ DỰ KIẾN NĂM 2018
I	**Kinh phí sự nghiệp KH&CN**	**22.990**	**22.083**	**22.083**	**41.395**
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia chuyển tiếp sang năm 2018 cấp về địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)	0	0	0	0
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện		17.572	17.572	30.213
3	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				200
4	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước		935	935	1.984
	Hoạt động Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng		*57*	*57*	*180*
	Sở hữu trí tuệ		*60*	*60*	*85*
	Thông tin và thống kê KH&CN		*319*	*319*	*400*
	An toàn bức xạ và hạt nhân		*27*	*27*	*500*
	Đào tạo, tập huấn		*200*	*200*	*460*
	Đánh giá, thẩm định, giám định và CGCN		*20*	*20*	*80*
	Thanh tra KH&CN		*193*	*193*	*178*
	Hợp tác quốc tế		*59*	*59*	*101*
	Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN		0	0	0
5	Chi hoạt động KH&CN cấp huyện		24	24	0
6	Chi các đơn vị sự nghiệp		2.460	2.460	2.150
7	Chi tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp				5.859
8	Chi khác		1.092	1.092	989
II	**Kinh phí đầu tư phát triển**		**3.000**	**3.000**	**23.000**

1	Đầu tư cơ sở vật chất Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp (giai đoạn 2)		3.000	3.000	4.500
2	Tăng cường cho Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng				7.500
3	Đầu tư trang thiết bị, máy móc cho Trại nghiên cứu thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp				4.000
4	Dự án "Phòng thí nghiệm cơ - điện tử phục vụ đào tạo và nghiên cứu tại Trường Đại học Phạm Văn Đồng"				7.000
	Tổng số		**25.083**	**25.083**	**64.395**